

Số: 01/2026/CB/TP

Phú Thọ, ngày 09 tháng 04 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Kính gửi:

- Sở Xây dựng tỉnh Phú Thọ;
- Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, nhà thầu thi công; các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.

1. Thông tin chung về tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

- Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: Công ty TNHH Xây dựng – Thương Mại Tâm Phát.

Mã số thuế: 2600993138

Website: tamphatxdtm.com

- Thông tin về quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Quyết định thành lập trạm thí nghiệm hiện trường.

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2600993138. Đăng ký lần đầu: ngày 28 tháng 12 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 08 tháng 04 năm 2025.

+ Quyết định thành lập phòng thí nghiệm: Số 08/QĐ-TP ngày 29 tháng 05 năm 2018

+ Quyết định thành lập trạm thí nghiệm hiện trường (G22 Cao Tốc Tuyên Quang – Hà Giang): Số 01/2024/QĐ-TP ngày 10 tháng 01 năm 2024.

+ Quyết định thành lập trạm thí nghiệm hiện trường (G03 Minh Tân) Số 16/2025/QĐ-TP ngày 19 tháng 12 năm 2025.

+ Quyết định thành lập trạm thí nghiệm hiện trường (G68 Cao Tốc Tuyên Quang – Hà Giang) Số 01/QĐ-TP ngày 08 tháng 01 năm 2026.

- Địa chỉ: Số nhà LA21, Khu đô thị và thương mại Việt Trì, Phường Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0971 525 883

Địa chỉ hòm thư điện tử: tamphatlas1276@gmail.com

- Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm và kiểm định chất lượng công trình.
- Địa chỉ phòng thí nghiệm : Xã Phùng Nguyên - Tỉnh Phú Thọ.
- Địa chỉ đặt trạm thí nghiệm hiện trường:
 - + Trạm thí nghiệm hiện trường: Thôn Cọ Nà Tâm, Xã Phù Lưu, Tỉnh Tuyên Quang
 - + Trạm thí nghiệm hiện trường: Thôn Tân Sơn, Xã Minh Tân, Tỉnh Tuyên Quang.
 - + Trạm thí nghiệm hiện trường: Thôn Cây Dừa, Xã Nhữ Khê, Tỉnh Tuyên Quang

2. Thông tin về người quản lý trực tiếp hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

- Họ và tên: Ngô Quang Ánh
- Tốt nghiệp đại học chuyên ngành : Vật liệu Xây dựng
- Nơi đào tạo: Trường Đại Học Xây Dựng – Hà Nội
- Năm tốt nghiệp : 2007

3. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm/văn bằng chứng chỉ đào tạo lĩnh vực thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
CƠ LÝ CỦA XI MĂNG				
1	Xác định độ mịn, khối lượng riêng của bột xi măng	TCVN 13605:2023 TCVN 7024 : 2013 AASHTO T128 AASHTO T133 AASHTO T153 ASTM C184 ASTM C204	Sàng 0,045mm, cân kỹ thuật, tủ sấy, Bình khối lượng riêng, chậu nước, dầu hoả.....	Ngô Quang Ánh (0144/2755/QĐ-CĐGTVT) Đoàn Văn Quyết (16424-A16426B/VNĐ-TNV) Nguyễn Bình Thi (3655/QĐ-ĐHCNGTVT; 1806-

	của cốt liệu lớn trong máy L.A	AASHTO T96 ASTM C131 ASTM C535	tủ sậy, sàng 1,25mm....	Đoàn Văn Quyết (16424-A16426B/VNĐ-TNV) Nguyễn Bình Thi (3655/QĐ-ĐHCNGTVT; 1806-A00102B/VNĐ-CCTNV; 2024/DDT-062/VKHCN) Hà Quốc Dũng (2500/2007/VKH-TNXD; 8051-A3685B/VNĐ-TNV) Ngô Đại Thúc (6417-A2051B/VNĐ-TNV) Đoàn Văn An (321/ĐHCNGTVT-CĐN) Trần Đức Nam (09.148.22/VKHCN-TNV)	
14	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt	TCVN 7572-13 : 06 ASTM D4791	Cân, thước kẹp cải tiến, bộ sàng tiêu chuẩn....		
15	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu và phong hóa	TCVN 7572-17 : 06 AASHTO T122	Cân kỹ thuật (0,01g), tủ sậy, bộ sàng tiêu chuẩn, kim sắt hoặc kim nhôm, búa con		
16	Hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18 : 06 BS 812-110	Cân kỹ thuật (0,01g), kính lúp		
17	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20 : 06 ASTM C123	Tủ sậy, bộ sàng cát tiêu chuẩn (5; 2,5; 1,25; 0,63; 0,315; 0,14mm), giấy nhám, đĩa thủy tinh		
18	Xác định hệ số đương lượng cốt liệu nhỏ (ES)	AASHTO T176 ASTM D2419	Bộ xác định đương lượng cát...		
HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG					
19	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106 : 2022 AASHTO T119 ASTM C143 -10a	Côn thử độ sụt, que chọc, phễu đổ hỗn hợp, thước lá kim loại		Ngô Huy Tiến (424/421/QĐ-ĐHCNGTVT) Nguyễn Công Hùng (0127/1836/QĐ-CĐGTVT)
20	Thử độ cứng Vebe	TCVN 3107 : 2022 ASTM C1170	Nhót kê Vebe, bàn rung, que chọc, đồng hồ		

		ASTM C138	bấm giầy	Trần Tiên (24129- A24131B/VNĐ- TNV) Đoàn Mạnh Hưng (23681- A23683B/VNĐ- TNV) Hoàng Như Tiên (29874- A29876B/VNĐ- TNV) Nguyễn Văn Đáng (25904- A25906B/VNĐ- TNV) Ngô Quang Ánh (0144/2755/QĐ- CĐGTVT) Đoàn Văn Quyết (16424- A16426B/VNĐ- TNV)
21	Xác định khối lượng thể tích của HH bê tông nặng	TCVN 3108 : 2022 AASHTO T121 ASTM C138	Thùng kim loại 5, 15l (cao 186 và 267mm), thiết bị đầm, cân kỹ thuật (50g), thước lá	
22	Xác định hàm lượng bột khí	TCVN 3111 : 2022 AASHTO T152-11 AASHTO T121 ASTM C39 ASTM C185	Theets bị xác định bột khí, bàn rung que chọc...	
23	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112 : 2022 ASTM C642-06	Bình khối lượng riêng, cân phân tích (0,01g), búa con, cối chày động, bình hút ẩm, tủ sấy, sàng 2mm, nước lọc, dầu hoả...	
24	Xác định độ hút nước	TCVN 3113 : 2022 AASHTO T129 ASTM C642	Cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu, tủ sấy, khăn lau...	
25	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114 : 2022	Máy mài mòn, cân kỹ thuật, thước kẹp...	
26	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115 : 2022 ASTM C642	Cân kỹ thuật, thước lá kim loại, bếp điện và thùng nấu paraffin, tủ sấy	
27	Xác định độ chống thấm	TCVN 3116 : 2022 ASTM C403	Máy thử độ chống thấm, bàn chải sắt, paraffin, tủ sấy	
28	Xác định cường độ nén	TCVN 3118 : 2022	Máy nén thủy	

		AASHTO T22-10 AASHTO T140 AASHTO T24 ASTM C39	lực 200 -300 tấn thước lá kim loại, đệm truyền tải...	Nguyễn Bình Thi (3655/QĐ- ĐHCNGTVT; 1806- A00102B/VNĐ- CCTNV; 2024/DDT- 062/VKHCN) Hà Quốc Dũng (2500/2007/VKH- TNXD; 8051- A3685B/VNĐ- TNV) CCTNV) Đoàn Văn An (321/ĐHCNGTVT- CĐN)
29	Xác định cường độ kéo khi uốn	TCVN 3119 : 2022 AASHTO T177 AASHTO T97 ASTM C78-10	Máy thử uốn 100 tấn thước lá kim loại...	
30	Xác định cường độ kéo khi bẻ	TCVN 3120 : 2022 AASHTO T97 AASHTO T98 ASTM C74 ASTM C496-11	Máy nén 200 tấn gối truyền tải, đệm gỗ	
31	Xác Định nhiệt Độ trong HH bê tông	TCVN9430-2012	Nhiệt kế đo nhiệt độ	Ngô Huy Tiến (424/421/QĐ- ĐHCNGTVT) Nguyễn Công Hùng (0127/1836/QĐ- CĐGTVT) Trần Tiến (24129- A24131B/VNĐ- TNV) Hoàng Như Tiến (29874- A29876B/VNĐ- TNV)
32	Xác định cường độ lãng trụ và môđun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726 : 2022 ASTM C469-94 ASTM C469-10	Máy nén 200 tấn, biến dạng kế, thước lá kim loại...	Nguyễn Bình Thi (3655/QĐ- ĐHCNGTVT; 1806- A00102B/VNĐ- CCTNV; 2024/DDT- 062/VKHCN)



				<p>Hà Quốc Dũng (2500/2007/VKH-TNXD; 8051-A3685B/VNĐ-TNV) Đoàn Văn An (321/ĐHCNGTVT-CĐN)</p> <p>Trần Đức Nam (09.148.22/VKH-CN-TNV)</p>
33	Thiết kế thành phần cấp phối bê tông xi măng	<p>TCVN 10796:2015</p> <p>TCVN 12631:2020</p> <p>ACI 211.1</p> <p>TCVN 9382-2012</p>		<p>Ngô Quang Ánh (0144/2755/QĐ-CĐGTVT)</p> <p>Đoàn Văn Quyết (16424-A16426B/VNĐ-TNV)</p> <p>Nguyễn Bình Thi (3655/QĐ-ĐHCNGTVT; 1806-A00102B/VNĐ-CCTNV; 2024/DDT-062/VKH-CN)</p> <p>Hà Quốc Dũng (2500/2007/VKH-TNXD; 8051-A3685B/VNĐ-TNV)</p> <p>Đoàn Văn An (321/ĐHCNGTVT-CĐN)</p>
HỖN HỢP VỮA XI MĂNG				
34	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	<p>TCVN 3121-1 : 22</p> <p>TCVN9028 :11</p> <p>EN 1015 -1:99</p>	Dao, bay, khay đựng mẫu.	<p>Nguyễn Bình Thi (3655/QĐ-ĐHCNGTVT; 1806-A00102B/VNĐ-CCTNV; 2024/DDT-062/VKH-CN)</p> <p>Hà Quốc Dũng (2500/2007/VKH-</p>
35	Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử	<p>TCVN 3121-2 : 22</p> <p>TCVN9028 : 11</p> <p>BS EN 1015:99</p>	Dao, bay, khay đựng mẫu.	

36	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3 : 22 ASTM C1437 EN 1015-3,4:99	Dụng cụ thử độ lưu động hỗn hợp vữa, chày đầm bằng thép ($\phi 10\text{mm}$, dài 250mm), chảo sắt, xẻng con, bay	TNXD; 8051-A3685B/VNĐ-TNV) Đoàn Văn An (321/ĐHCNGTVT-CĐN) Ngô Huy Tiến (424/421/QĐ-ĐHCNGTVT)
37	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6 : 22 EN 1015-6:99	Bình trụ bằng sắt ($1000\pm 2\text{ml}$), chày đầm, dụng cụ thử độ lưu động, cân kỹ thuật (1g), dao ăn, bay, chảo sắt	Nguyễn Công Hùng (0127/1836/QĐ-CĐGTVT) Trần Tiến (24129-A24131B/VNĐ-TNV)
38	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9 : 22 TCVN9028 : 11	Khâu đưng vữa, kim đâm xuyên, đồng hồ bấm giây, cân kỹ thuật, cơ cấu độn bẫy, vòng đệm, bay, chảo	Đoàn Mạnh Hưng (23681-A23683B/VNĐ-TNV)
39	Xác định khối lượng thể tích của vữa đóng rắn	TCVN 3121-10 : 22 EN 1015-10:99	Cân kỹ thuật, thước kẹp	Hoàng Như Tiến (29874-A29876B/VNĐ-TNV)
40	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11 : 22 ASTM C109-11b EN 1015:99	Khuôn 40x40x160mm, bàn dằn, dụng cụ thử độ lưu động của vữa, dao, bay, giấy báo, dụng cụ uốn, nén mẫu máy nén thủy lực 5T	
41	Thiết kế thành phần cấp phối vữa xi măng	TCVN 10796:2015	-	Đoàn Văn Quyết (16424-A16426B/VNĐ-TNV) Nguyễn Bình Thi (3655/QĐ-ĐHCNGTVT; 1806-A00102B/VNĐ-CCTNV;

				2024/DDT-062/VKHCN) Hà Quốc Dũng (2500/2007/VKH-TNXD; 8051-A3685B/VNĐ-TNV) Ngô Đại Thúc (6417-A2051B/VNĐ-TNV) Đoàn Văn An (321/ĐHCNGTVT-CDN)
GẠCH ĐÁT SÉT NUNG				
42	Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:09 AASHTO T32 ASTM C67	Thước kẹp, kính lúp..	Nguyễn Bình Thi (3655/QĐ-ĐHCNGTVT; 1806-A00102B/VNĐ-CCTNV; 2024/DDT-062/VKHCN) Hà Quốc Dũng (2500/2007/VKH-TNXD; 8051-A3685B/VNĐ-TNV) Ngô Đại Thúc (6417-A2051B/VNĐ-TNV) Đoàn Văn An (321/ĐHCNGTVT-CDN) Trần Đức Nam (09.148.22/VKHCN-TNV)
43	Độ bền nén	TCVN 6355-2:09 AASHTO T32 ASTM C67	Máy cắt, máy ép thủy lực 100 tấn, thước kim loại, các miếng kính, bay, chảo...	
44	Độ bền uốn	TCVN 6355-3:09 AASHTO T32 ASTM C67	Máy thử uốn, thước kim loại (1mm), các miếng kính, bay, chảo	
45	Độ hút nước	TCVN 6355-4:09 AASHTO T32-10 ASTM C67	Tủ sấy, cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu	
46	Khối lượng thể tích, Khối lượng riêng	TCVN 6355-5:09 AASHTO T32 ASTM C67	Búa con, cối chày sứ, sàng 0,2mm, tủ sấy bình hút ẩm, thìa con, cân kỹ thuật, bình cổ cao, dầu hỏa	

47	Độ rỗng	TCVN 6355-6:09 AASHTO T32 ASTM C67	Cân kỹ thuật (1g), Thuốc lá, cát đen, cát tiêu chuẩn khô, giấy	
48	Xác định vết tróc do vôi	TCVN 6355-7:09 AASHTO T32 ASTM C67	Thùng, bể giữ ấm, thước kỹ thuật	
49	Xác định sự thoát muối	TCVN 6355-8:09 AASHTO T32 ASTM C67	Bộ thiết bị thử độ thoát muối, tủ sấy, hay chứa nước...	
GẠCH BÊ TÔNG NHỆ				
50	Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan	TCVN 9030-2017	Thước kẹp, kính lúp..	<p>Nguyễn Bình Thi (3655/QĐ- ĐHCNGTVT; 1806- A00102B/VNĐ- CCTNV; 2024/DDT- 062/VKH-CN)</p> <p>Hà Quốc Dũng (2500/2007/VKH- TNXD; 8051- A3685B/VNĐ- TNV)</p> <p>Ngô Đại Thức (6417- A2051B/VNĐ- TNV)</p> <p>Đoàn Văn An (321/ĐHCNGTVT- CDN)</p> <p>Trần Đức Nam (09.148.22/VKH-CN -TNV)</p>
51	Xác định cường độ bền nén	TCVN 9030-2017	Máy cắt, máy ép thủy lực 100 tấn, thước kim loại (1mm), các miếng kính, bay, chảo	
52	Xác định độ hút nước	TCVN 9030-2017	Tủ sấy, cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu	
53	Xác định khối lượng thể tích khô	TCVN 9030-2017	Tủ sấy, cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu, thước kỹ thuật..	

Signature

GẠCH BÊ TÔNG

54	Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477:16 ASTM C140-12a	Thước kẹp, kính lúp	Nguyễn Bình Thi (3655/QĐ-ĐHCNGTVT; 1806-A00102B/VNĐ-CCTNV; 2024/DDT-062/VKH-CN) Hà Quốc Dũng (2500/2007/VKH-TNXD; 8051-A3685B/VNĐ-TNV) Ngô Đại Thức (6417-A2051B/VNĐ-TNV) Đoàn Văn An (321/ĐHCNGTVT-CĐN) Trần Đức Nam (09.148.22/VKH-CN-TNV)
55	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6477:16 ASTM C140-12a	Máy cắt, máy ép thủy lực 100 tấn, thước kim loại (1mm), các miếng kính, bay, chảo	
56	Xác định độ rỗng	TCVN 6477:16 ASTM C140-12a	Tủ sấy, cân kỹ thuật, thước đo, cát khô..	
57	Xác định độ hút nước	TCVN 6477:16 ASTM C140-12a	Tủ sấy, cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu	
58	Xác định độ thấm nước	TCVN 6477:16 ASTM C140-12a	Thiết bị thử độ thấm, khay....	

GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN

59	Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6476:1999 ASTM C140-12a	Thước kẹp, kính lúp	Nguyễn Bình Thi (3655/QĐ-ĐHCNGTVT; 1806-A00102B/VNĐ-CCTNV; 2024/DDT-062/VKH-CN) Hà Quốc Dũng (2500/2007/VKH-TNXD; 8051-A3685B/VNĐ-TNV) Ngô Đại Thức (6417-
60	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6476:1999 ASTM C140-12a	Máy cắt, máy ép thủy lực 100 tấn, thước kim loại (1mm), các miếng kính, bay, chảo	
61	Xác định độ hút nước	TCVN 6476:1999	Tủ sấy, cân kỹ thuật, thùng	

		ASTM C140-12a	ngâm mẫu	A2051B/VNĐ-TNV)
62	Xác định độ mài mòn	TCVN 6065:1995 ASTM C140-12a	Máy mài, tủ sấy, cân kỹ thuật, thước kẹp...	Đoàn Văn An (321/ĐHCNGTVT-CĐN) Trần Đức Nam (09.148.22/VKHCN-TNV)

GẠCH XI MĂNG LÁT NỀN

63	Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6065:1995	Thước kẹp, kính lúp	Nguyễn Bình Thi (3655/QĐ-ĐHCNGTVT; 1806-A00102B/VNĐ-CCTNV; 2024/DDT-062/VKHCN) Hà Quốc Dũng (2500/2007/VKH-TNXD; 8051-A3685B/VNĐ-TNV) Ngô Đại Thúc (6417-A2051B/VNĐ-TNV) Đoàn Văn An (321/ĐHCNGTVT-CĐN) Trần Đức Nam (09.148.22/VKHCN-TNV)
64	Xác định độ chịu lực xung kích	TCVN 6065:1995	Viên bi sắt hình cầu, thước ống dài 1000mm.....	
65	Xác định lực uốn gãy	TCVN 6065:1995	Máy nén, gá uốn, thước lá kim loại...	
66	Xác định độ hút nước	TCVN 6065:1995	Tủ sấy, cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu	
67	Xác định độ cứng lớp mặt	TCVN 6065:1995	Dụng cụ vạch lên bề mặt gạch bằng đồng..	
68	Xác định độ mài mòn	TCVN 6065:1995	Máy mài, tủ sấy, cân kỹ thuật, thước kẹp...	

GẠCH TERAZO

69	Xác định kích	TCVN 7744:2013	Thước kẹp, kính	Nguyễn Bình Thi
----	---------------	----------------	-----------------	-----------------

	thước hình học và khuyết tật ngoại quan	EN 13748	lúp	(3655/QĐ- ĐHCNGTVT; 1806- A00102B/VNĐ- CCTNV; 2024/DDT- 062/VKHCN)
70	Xác định độ hút nước bề mặt	TCVN 7744:2013 EN 13748	Tủ sấy, cân kỹ thuật, khăn ẩm, bàn chải...	Hà Quốc Dũng (2500/2007/VKH- TNXD; 8051- A3685B/VNĐ- TNV)
71	Xác định độ mài mòn	TCVN 7744:2013 TCVN 6065:1995 EN 13748	Máy mài, tủ sấy , cân kỹ thuật, thước kẹp...	Ngô Đại Thúc (6417- A2051B/VNĐ- TNV) Đoàn Văn An (321/ĐHCNGTVT- CĐN)
72	Xác định độ bền uốn	TCVN 6035-2 :09	Máy thử uốn, thước kim loại (1mm), các miếng kính, bay, chảo	Trần Đức Nam (09.148.22/VKHCN -TNV)
GẠCH, ĐÁ ỐP LÁT TỰ NHIÊN				
73	Xác định độ hút nước, độ xốp, khối lượng riêng, khối lượng thể tích	TCVN 6415-3: 05 ISO 10545 -3	Tủ sấy, cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu...	Nguyễn Bình Thi (3655/QĐ- ĐHCNGTVT; 1806- A00102B/VNĐ- CCTNV; 2024/DDT- 062/VKHCN)
74	Xác định độ bền uốn và lực gãy	TCVN4732: 07 TCVN6415-4: 05 ISO 10545 -4	Máy thử uốn, thước kim loại (1mm), các miếng kính, bay, chảo	Hà Quốc Dũng (2500/2007/VKH- TNXD; 8051- A3685B/VNĐ- TNV)
75	Xác định độ mài mòn sâu	TCVN4732: 07 TCVN6415-6: 05 ISO 10545 -4	Máy mài, tủ sấy , cân kỹ thuật, thước kẹp...	Ngô Đại Thúc (6417- A2051B/VNĐ- TNV)

76	Xác định độ cứng bề mặt	TCVN6415-18:05 EN 101	Dụng cụ vạch lên bề mặt gạch bằng đồng..	Đoàn Văn An (321/ĐHCNGTVT-CĐN) Trần Đức Nam (09.148.22/VKHHCN-TNV)
VẬT LIỆU, BỘT KHOÁNG TRONG BÊTÔNG NHỰA				
77	Thành phần hạt	TCVN12884-2-2020 AASHTO T11 ASTM C136	Bộ sàng, Cân kỹ thuật, bát sứ, chày cao su, bình đựng nước, bình hút ẩm.	Ngô Quang Ánh (0144/2755/QĐ-CĐGTVT) Đoàn Văn Quyết (16424-A16426B/VNĐ-TNV) Nguyễn Bình Thi (3655/QĐ-ĐHCNGTVT; 1806-A00102B/VNĐ-CCTNV; 2024/DDT-062/VKHHCN)
78	Khối lượng riêng của bột khoáng	TCVN 8735-2012 AASHTO T134	Bình khối lượng riêng, cân kỹ thuật máy hút chân không, bình rửa, tủ sấy, nhiệt kế, sàng, bát sứ, bình hút ẩm, dầu hỏa	
79	Độ ẩm của bột khoáng	TCVN12884-2-2020	Tủ sấy, cân kỹ thuật, hộp nhôm, bình hút ẩm sàng, cối chày sứ, khay...	Hà Quốc Dũng (2500/2007/VKH-TNXD; 8051-A3685B/VNĐ-TNV)
80	Giới hạn chảy và giới hạn dẻo (Chỉ số dẻo)	TCVN4197-2012	Dụng cụ Casagrande, tấm kính, sàng, cối và chày sứ, bình thủy tinh, cân kỹ thuật, hộp nhôm, tủ sấy, bát tráng men, dao trộn	Đình Văn Thái (1520-A00342B/VNĐ-CCTNV; 2072-A01288B/VNĐ-CCTNV; 2006-A01207B/VNĐ-CCTNV)
81	Hệ số thích nước	TCVN12884-2-2020	Cân kỹ thuật, chén sứ, chày bịt cao su, ống đong (50ml, que thủy	Ngô Đại Thức (6417-A2051B/VNĐ-TNV) Đoàn Văn An (321/ĐHCNGTVT-CĐN)

			tin, phêu, nước cát, dầu hoả	Trần Đức Nam (09.148.22/VKHCN -TNV)
THÍ NGHIỆM NHỰA ĐƯỜNG				
82	Xác định độ kim lún ở 25 ⁰ C	TCVN 7495-2005 AASHTO T49 ASTM D5	Máy đo độ kim lún tự động, cốc đựng mẫu, tủ sấy, dao cắt...	Ngô Quang Ánh (0144/2755/QĐ- CĐGTVT) Đoàn Văn Quyết (16424- A16426B/VNĐ- TNV)
83	Xác định độ kéo dài ở 25 ⁰ C	TCVN 7496-2005 AASHTO T5 ASTM D113	Máy kéo dài, khuôn, tủ sấy, bể ổn nhiệt, đèn còn hay bếp dầu hỏa, dao cắt ...	
84	Xác định nhiệt độ hóa mềm (PP vòng và bi)	TCVN 7497-2005 AASHTO T53 ASTM D36	Thiết bị đo hóa mềm đồng bộ, tủ sấy, dao cắt, cốc đựng mẫu.....	Nguyễn Bình Thi (3655/QĐ- ĐHCNGTVT; 1806- A00102B/VNĐ- CCTNV; 2024/DDT- 062/VKHCN)
85	Xác định điểm chớp cháy(cốc hở)	TCVN 7498-2005 AASHTO T48 ASTM D92	Thiết bị đo điểm chớp cháy, nhiệt kế, đèn còn, đồng hồ bấm giây.....	
86	Xác định lượng tổn thất sau khi đun nóng ở 163 ⁰ C trong 5h	TCVN 7499-2005 AASHTO T47 ASTM D6	Cân kỹ thuật (0,01g), bát sắt, tủ sấy.....	Hà Quốc Dũng (2500/2007/VKH- TNXD; 8051- A3685B/VNĐ- TNV)
87	Xác định tỷ lệ kim lún sau khi đun nóng ở 163 ⁰ C so với ở 25 ⁰ C	TCVN 7495-2005 AASHTO T49 ASTM D5	Máy đo kim lún, Cân kỹ thuật, bát sắt, lò nung, bình hút ẩm.....	Ngô Đại Thức (6417- A2051B/VNĐ- TNV)
88	Xác định lượng nhựa hòa tan trong Trichlorethylene	TCVN 7500-2005 AASHTO T44 ASTM D2042	Dụng cụ lọc, đệm thủy tinh, ống lọc, bình thủy tinh, tủ sấy, bình hút ẩm, cân	Đoàn Văn An (321/ĐHCNGTVT- CĐN)
89	Xác định khối lượng riêng ở 25 ⁰ C	TCVN 7501-2005 AASHTO T288	Bình thủy tinh, cân kỹ thuật, tủ	Ngô Quang Ánh (0144/2755/QĐ- CĐGTVT) Đoàn Văn Quyết (16424- A16426B/VNĐ- TNV)
				Nguyễn Bình Thi

		ASTM D70	sấy, nhiệt kế, nước cất...	(3655/QĐ- ĐHCNGTVT; 1806- A00102B/VNĐ- CCTNV; 2024/DDT- 062/VKHCN)
90	Xác định hàm lượng Paraphin	TCVN 7503-2005 EN 1206-1 DIN 52015	Cân kỹ thuật (0,5mg), tủ sấy, nhiệt kế, đèn cấp nhiệt, bồn làm lạnh, bộ thiết bị chung cất, bình lọc	Hà Quốc Dũng (2500/2007/VKH- TNXD; 8051- A3685B/VNĐ- TNV)
91	Xác định độ dính bám đối với đá	TCVN 7504-2005 AASHTO T182 ASTM D3625	Cốc 1000ml, bếp điện, đồng hồ bấm giây, tủ sấy, giá treo mẫu ...	Ngô Đại Thức (6417- A2051B/VNĐ- TNV)
92	Xác định độ đàn hồi của nhựa đường Polyme	TCVN 11194-2017 ASTM D6084 AASHTO T 301	Máy kéo dài, khuôn bằng đồng, bể ổn nhiệt, chậu đựng nước, đèn cồn hay bếp dầu hỏa, dao cắt nhựa...	Đoàn Văn An (321/ĐHCNGTVT- CDN)
THÍ NGHIỆM NHỰA ĐƯỜNG LỎNG				
93	Độ nhớt saybolt furol	TCVN 8818-2:11 ASTM D244	Nhớt kế, nhiệt kế, bể ổn nhiệt, đồng hồ bấm giờ, hệ thống hút chân không, chất tẩy	Ngô Quang Ánh (0144/2755/QĐ- CĐGTVT)
94	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 8818-2:11 AASHTO T79 ASTM D3143	Thiết bị cốc hở gồm: bể gia nhiệt, cốc mẫu, kẹp giữ, môi lửa	Đoàn Văn Quyết (16424- A16426B/VNĐ- TNV)
95	Xác định hàm lượng nước	TCVN 8818-3:11 AASHTO T55	Bình chung cất, thiết bị gia nhiệt,	Nguyễn Bình Thi (3655/QĐ- ĐHCNGTVT; 1806- A00102B/VNĐ- CCTNV; 2024/DDT- 062/VKHCN)

		ASTM D95	ống ngưng, ống hứng, dung môi	Hà Quốc Dũng (2500/2007/VKH-TNXD; 8051-A3685B/VNĐ-TNV)
96	Thử nghiệm chung cát	TCVN 8818-4:11 AASHTO T78 ASTM D402	Bình chung cát, thiết bị gia nhiệt, ống ngưng, ống dẫn hướng, giá, nguồn nhiệt, ống thu, hộp kim loại, nhiệt kế.	Ngô Đại Thúc (6417-A2051B/VNĐ-TNV)
97	Thử nghiệm xác định độ nhớt tuyệt đối (sử dụng nhớt kế)	TCVN 8818-5:11 EN 12596 ASTM D2170	Nhớt kế, nhiệt kế, bể ổn nhiệt, đồng hồ bấm giờ, hệ thống hút chân không, chất tẩy	Đoàn Văn An (321/ĐHCNGTVT-CĐN) Trần Đức Nam (09.148.22/VKHCN-TNV)
98	Độ nhớt động lực	TCVN 7502-2005 ASTM D2171	Nhớt kế, nhiệt kế, bể ổn nhiệt, đồng hồ bấm giờ, hệ thống hút chân không...	
NHŨ TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG AXIT				
99	Xác định độ nhớt saybolt furol	TCVN8817-2:2011 AASHTO T59-01 ASTM D244-04	Nhớt kế, nhiệt kế, bể ổn nhiệt, đồng hồ bấm giờ, hệ thống hút chân không, chất tẩy	Ngô Quang Ánh (0144/2755/QĐ-CĐGTVT)
100	Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ	TCVN8817-3:2011 AASHTO T59-01 ASTM D6930-04	Bình lưu mẫu, pipet, cân kỹ thuật, cốc, tủ sấy, đĩa khuấy...	Đoàn Văn Quyết (16424-A16426B/VNĐ-TNV)
101	Xác định lượng hạt qua cỡ (Thử nghiệm sàng)	TCVN8817-4:2011 AASHTO T59-01 ASTM D6933-04	Sàng ĐK 76.2mm cỡ sàng 850µm, khay,	Nguyễn Bình Thi (3655/QĐ-ĐHCNGTVT; 1806-A00102B/VNĐ-CCTNV; 2024/DDT-062/VKHCN)

			nhiệt kế, cân....	<p>Hà Quốc Dũng (2500/2007/VKH-TNXD; 8051-A3685B/VNĐ-TNV)</p> <p>Ngô Đại Thúc (6417-A2051B/VNĐ-TNV)</p> <p>Đoàn Văn An (321/ĐHCNGTVT-CĐN)</p> <p>Trần Đức Nam (09.148.22/VKH-CN-TNV)</p>
102	Xác định hạt điện tích	TCVN8817-5:2011 AASHTO T59-01 ASTM D244-04	Điện cực, cốc thủy tinh, bể ổn nhiệt, nhiệt kế, đồng hồ bấm giây, nước cất...	
103	Xác định độ khử nhũ	TCVN8817-6:2011 AASHTO T59-01 ASTM D6934-04	Lưới sàng cỡ 1.40mm, cốc kim loại, đĩa kim loại, buret, cân, tủ sấy....	
104	Thử nghiệm trộn với xi măng	TCVN8817-7:2011 AASHTO T59-01 ASTM D6935-04	Sàng cỡ 180 μ m, 1.40mm đk 76.2, khay, chảo trộn, đĩa trộn, ống đong, cân	
105	Xác định độ bám dính và tính chịu nước	TCVN8817-8:2011 AASHTO T59-01 ASTM D244-04	Chảo trộn, dao trộn, sàng 19mm, 4.75mm, hệ thống phun nước, nhiệt kế, cân, ống pipet...	
106	Thử nghiệm chung cát	TCVN8817-9:2011 AASHTO T59-01 ASTM D6997-04	Bình chung cát, thiết bị gia nhiệt, ống ngưng, ống dẫn hướng, giá đỡ, nguồn nhiệt, ống thu, hộp kim loại, nhiệt kế.	
107	Thử nghiệm bay hơi	TCVN8817-10:11 AASHTO T59-01 ASTM D6934-04	Cốc thủy tinh, đĩa thủy tinh, cân, tủ sấy, sàng đk 76.2 mm	
				<p>Ngô Quang Ánh (0144/2755/QĐ-CĐGTVT)</p> <p>Đoàn Văn Quyết</p>

108	Nhận biết nhũ tương nhựa đường axit phân tách nhanh	TCVN8817-11:11 AASHTO T59-01 ASTM D244-04	Cốc trộn, cốc rửa, dao trộn, tủ sấy, cân, ống đong, nhiệt kế...	(16424-A16426B/VNĐ-TNV) Nguyễn Bình Thi (3655/QĐ-ĐHCNGTVT; 1806-A00102B/VNĐ-CCTNV; 2024/DDT-062/VKHCN) Hà Quốc Dũng (2500/2007/VKH-TNXD; 8051-A3685B/VNĐ-TNV) Đoàn Văn An (321/ĐHCNGTVT-CĐN) Trần Đức Nam (09.148.22/VKHCN-TNV)
109	Nhận biết nhũ tương nhựa đường axit phân tách chậm.	TCVN8817-12:11 AASHTO T59-01 ASTM D244-04	Cốc trộn, cốc rửa, dao trộn, tủ sấy, cân, ống đong, nhiệt kế...	
110	Xác định trộn lẫn nước	TCVN8817-13:11 AASHTO T59-01 ASTM D6999-04	Cốc thủy tinh, ống đong, nhiệt kế, đĩa thủy tinh, nước cất...	
111	Xác định khối lượng thể tích	TCVN8817-14:11 AASHTO T59-01 ASTM D6937-04	Bình đong, cân, bể ổn nhiệt....	
112	Xác định độ bám dính với cốt liệu hiện trường	TCVN8817-15:11 AASHTO T59-01 ASTM D244-04	Cốc kim loại, chảo trộn, ống đong, dao trộn, sàng 19mm...	
BÊ TÔNG NHỰA				
113	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:11 AASHTO T245 ASTM D1559 ASTM D6927	Máy đầm tạo mẫu, Máy nén Marshall, bình ổn định nhiệt...	Ngô Quang Ánh (0144/2755/QĐ-CĐGTVT) Đoàn Văn Quyết (16424-A16426B/VNĐ-TNV) Nguyễn Bình Thi (3655/QĐ-ĐHCNGTVT; 1806-A00102B/VNĐ-CCTNV; 2024/DDT-062/VKHCN)Hà Quốc Dũng
114	Hàm lượng nhựa bằng PP chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:11 AASHTO T164 ASTM D2172	Máy quay li tâm, tủ sấy, giấy lọc, bông nòn, các dung môi...	
115	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:11 AASHTO T27 AASHTO T11 ASTM C136	Bộ sàng tiêu chuẩn, cân kỹ thuật....	

116	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của BTN ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:11 AASHTO T209-90 ASTM D2041	Bình khối lượng riêng, cân kỹ thuật (0,01g), máy hút chân không, nhiệt kế thủy ngân, chậu rửa, dung dịch có phụ gia thấm ướt	(2500/2007/VKH-TNXD; 8051-A3TNV) Ngô Quang Ánh (0144/2755/QĐ-CDGTVT)
117	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của BTN ở trạng thái đầm nén	TCVN 8860-5:11 AASHTO T166 AASHTO T275	Dụng cụ đầm tạo mẫu, tủ sấy, cân thủy tĩnh, thùng nước, giỏ có dây treo.	Đoàn Văn Quyết (16424-A16426B/VNĐ-TNV) Nguyễn Bình Thi (3655/QĐ-ĐHCNGTVT; 1806-A00102B/VNĐ-CCTNV; 2024/DDT-062/VKHHCN)
118	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:11 AASHTO T305	Tủ sấy, rọ đựng mẫu, đĩa kim loại, cân kỹ thuật, chảo, bay	Hà Quốc Dũng (2500/2007/VKH-TNXD; 8051-A3685B/VNĐ-TNV)
119	Xác định độ góc cạnh của cốt liệu	TCVN 8860-7:11 TCVN 11807 AASHTO T304	Ổng đồng, phễu côn, tấm kính, giá đỡ, khay, dao gạt, cân kỹ thuật	Ngô Đại Thức (6417-A2051B/VNĐ-TNV)
120	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:11 AASHTO T166	Dụng cụ đầm tạo mẫu, tủ sấy, cân thủy tĩnh, thùng nước, giỏ có dây treo.	Đoàn Văn An (321/ĐHCNGTVT-CDN)
121	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:11 AASHTO T269-94 AASHTO T245 ASTM D3203	-	Trần Đức Nam (09.148.22/VKHHCN-TNV)
122	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:11 AASHTO T245 ASTM D3203	-	
123	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:11 AASHTO T245 ASTM D3203	-	

124	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:11 AASHTO T245 ASTM D1559 ASTM D6927	Dụng cụ đầm tạo mẫu, Máy nén Marshall, chậu đáy bằng 10l cao 150mm), nhiệt kế, nước nóng, bình ổn định nhiệt	
125	Thiết kế thành phần cấp phối bê tông nhựa nóng	TCVN 8820-2011	-	
THÉP XÂY DỰNG				
126	Thử kéo	TCVN 197:14 ASTM A370 AASHTO T244 AASHTO T68M JIS Z2241	Máy kéo thủy lực vạn năng, thiết bị khắc vạch mẫu, thước kẹp dụng cụ Palme, cân kỹ thuật	Ngô Quang Ánh (0144/2755/QĐ-CDGTVT) Đoàn Văn Quyết (16424-A16426B/VNĐ-TNV) Nguyễn Bình Thi (3655/QĐ-DHCNGTVT; 1806-A00102B/VNĐ-CCTNV; 2024/DDT-062/VKHCN) Hà Quốc Dũng (2500/2007/VKH-TNXD; 8051-A3685B/VNĐ-TNV) Ngô Đại Thúc (6417-A2051B/VNĐ-TNV) Đoàn Văn An (321/DHCNGTVT-CDN) Trần Đức Nam (09.148.22/VKHCN-TNV)
127	Thử uốn	TCVN 198:08 AASHTO T244 ASTM A370 ASTM A438 JIS X2248	Máy kéo thủy lực vạn năng và phụ kiện (đồ gá, gói đỡ, đầu búa uốn các cỡ,..)	
128	Kiểm tra chất lượng mối hàn – Thử uốn	TCVN 5401:10 AASHTO T244 ASTM E190 JIS Z3122	Máy kéo thủy lực vạn năng và phụ kiện (đồ gá, gói đỡ, đầu búa uốn các cỡ,..)	
129	Kiểm tra chất lượng hàn ống – Thử nén dẹt	TCVN 5402:91 ASTM A370	Máy kéo thủy lực vạn năng	
130	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 5403:91 AASHTO T68	Máy kéo thủy lực vạn năng..	

131	Thử kéo bu lông, ốc vít	TCVN 1916:95 TCVN 1917:14 ASTM A370	Máy kéo, nén thủy lực vạn năng...	
132	Thử cáp thép cường độ cao	TCVN6284: 97 ASTM A370 ASTM A416M	Máy kéo thủy lực vạn năng và phụ kiện (đồ gá, gối đỡ, đầu búa uốn các cỡ,..)	
ĐẤT, ĐÁ CẤP PHỐI TRONG XÂY DỰNG				
133	Khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012 AASHTO T100 ASTM D854	Cân kỹ thuật, bình tỷ trọng, cối chày sứ, rây 2mm, bếp cát, tủ sấy, tỷ trọng kế, thiết bị ổn nhiệt	Ngô Quang Ánh (0144/2755/QĐ- CĐGTVT) Đoàn Văn Quyết (16424- A16426B/VNĐ- TNV) Nguyễn Bình Thi (3655/QĐ- ĐHCNGTVT; 1806- A00102B/VNĐ- CCTNV; 2024/DDT- 062/VKH-CN)
134	Độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012 AASHTO T265 ASTM D2216	Tủ sấy, cân kỹ thuật, hộp nhôm, bình hút ẩm có rây (1mm), cối và chày sứ bọc cao su, khay	Hà Quốc Dũng (2500/2007/VKH- TNXD; 8051- A3685B/VNĐ- TNV) Ngô Đại Thức (6417- A2051B/VNĐ- TNV) Đoàn Văn An (321/ĐHCNGTVT- CĐN) Trần Đức Nam (09.148.22/VKH-CN -TNV)
135	Giới hạn dẻo và giới hạn chảy	TCVN 4197:2012 AASHTO T89 AASHTO T90 ASTM D4318	Dụng cụ Casagrande các tấm kính nhám, rây (1mm), cối và chày sứ có đầu bọc cao su, bình thủy tinh, cân kỹ thuật (0,01g), hộp nhôm có nắp, tủ sấy, bát sắt tráng men, dao để trộn..	

136	Thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014 AASHTO T88 AASHTO T27 AASHTO T11 ASTM C136 ASTM D422-63	Cân kỹ thuật (0,01g), bộ sàng tiêu chuẩn, cối và chày sứ có đầu bọc cao su, tủ sấy, bình hút ẩm...	Ngô Quang Ánh (0144/2755/QĐ-CDGTVT) Đoàn Văn Quyết (16424-A16426B/VNĐ-TNV) Nguyễn Bình Thi (3655/QĐ-ĐHCNGTVT; 1806-A00102B/VNĐ-CCTNV; 2024/DDT-062/VKHCN)
137	Đầm nén Proctor trong phòng thí nghiệm	TCVN 4201:2012 TCVN12790-2022 AASHTO T180 AASHTO T99 ASTM D698-00a ASTM D1557	Máy đầm, Bộ chày cối Protor, cân kỹ thuật, sàng (19, 4.75mm), tủ sấy hộp nhôm, dao gọt đất, cối sứ và chày bọc cao su....	Hà Quốc Dũng (2500/2007/VKH-TNXD; 8051-A3685B/VNĐ-TNV)
138	Khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012 AASHTO T100 AASHTO T191 ASTM D2937	Dao vòng, thước cặp, dao cắt, cân kỹ thuật tầm kính, dụng cụ xác định độ ẩm, hộp nhôm, tủ sấy, bình hút ẩm	Ngô Đại Thúc (6417-A2051B/VNĐ-TNV) Đoàn Văn An (321/ĐHCNGTVT-CĐN)
139	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) trong phòng	TCVN12792-2022 TCVN8821:2011 AASHTO T193 AASHTO T258 ASTM D1883-07	Máy nén CBR, bộ khuôn CBR, chày cối Protor, cân kỹ thuật, sàng (19, 4.75mm), bình phun nước, tủ sấy hộp nhôm, dao gọt đất, khay, thùng ngâm mẫu....	Trần Đức Nam (09.148.22/VKHCN-TNV)

140	Hệ số thấm của đất, cát	TCVN8723:12 ASTM D2434 AASHTO T204:90	Hộp thấm, ống mẫu thấm, cân kỹ thuật, sàng 5, 2 mm, đồng hồ bấm giây, dụng cụ chế tạo mẫu, chày cối bằng đồng, bát sứ	<p>Ngô Quang Ánh (0144/2755/QĐ- CĐGTVT)</p> <p>Đoàn Văn Quyết (16424- A16426B/VNĐ- TNV)</p> <p>Nguyễn Bình Thi (3655/QĐ- ĐHCNGTVT; 1806- A00102B/VNĐ- CCTNV; 2024/DDT- 062/VKHCN)</p> <p>Hà Quốc Dũng (2500/2007/VKH- TNXD; 8051- A3685B/VNĐ- TNV)</p> <p>Ngô Đại Thức (6417- A2051B/VNĐ- TNV)</p> <p>Đoàn Văn An (321/ĐHCNGTVT- CĐN)</p> <p>Trần Đức Nam (09.148.22/VKHCN -TNV)</p>
141	Hàm lượng hữu cơ của đất (cát)	TCVN 8726-2012 ASTM D2974 AASHTO T267	Cân kỹ thuật, bếp cách thủy, bình trụ 250ml, NaOH, thang màu	
142	Đặc trưng tan rã của đất	TCVN 8718:12 GOST 24143	Phao nổi chuyên dụng, lưới ô vuông, bình thủy tinh, cân kỹ thuật, dao vòng...	
143	Đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:12 ASTM D4829 ASTM D4546	Bàn, giá đỡ, hộp chứa nước, đồng hồ đo biến dạng, dao vòng, cân kỹ thuật...	
144	Đặc trưng co ngót của đất	TCVN 8720:12 ASTM D427 AASHTO T92	Dao vòng, thước kẹp, cân kỹ thuật, paraffin...	
145	Đặc trưng lún ướt của đất	TCVN 8722:12 BS 1377	Thiết bị nén lún 1 chiều, hộp nén, dao vòng, đá thấm nước...	
146	Xác định mô đun đàn hồi của vật liệu gia cố chất	TCVN 9843-2013	Máy nén thủy lực 200-300 Tấn, giá đỡ	

	kết dính vô cơ trong phòng thí nghiệm		đồng hồ, động hồ chuyển vị....	
147	Xác định cường độ kéo khi ép chẻ	TCVN 8862-2011	Máy nén 200 tấn gối truyền tải, đệm gỗ	
148	Thiết kế cấp phối đất, đá gia cố xi măng	TCVN 8858-2023	-	
THỬ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG				
149	Xác định độ ẩm của đất tại hiện trường	TCVN 8728:12	Cân, đục, bay, búa, cùn, khay nhôm...	<p>Ngô Quang Ánh (0144/2755/QĐ-CDGTVT) Đoàn Văn Quyết (16424-A16426B/VNĐ-TNV) Nguyễn Bình Thi (3655/QĐ-ĐHCNGTVT; 1806-A00102B/VNĐ-CCTNV; 2024/DDT-062/VKHCN)</p> <p>Hà Quốc Dũng (2500/2007/VKH-TNXD; 8051-A3685B/VNĐ-TNV) Đoàn Văn An (321/ĐHCNGTVT-CĐN)</p> <p>Trần Đức Nam (09.148.22/VKHCN-TNV)</p> <p>Đình Văn Thái (1520-A00342B/VNĐ-CCTNV; 2072-A01288BVNĐ-</p>
150	Xác định dung trọng độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đai	TCVN 8729:12 TCVN 8730:12 TCVN12791-2020 ASTM D2937 AASHTO T 204-90	Bộ dao vòng, cân, đục, bay, búa, cùn, khay nhôm...	
151	Xác định độ ẩm, khối lượng thể tích của đất, cấp phối đá dăm trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	AASHTO T 191-93 ASTM D1556-96	Bộ dụng cụ rót cát, cát tiêu chuẩn, cân, đục, bay, búa, cùn, khay nhôm...	
152	Xác định khối lượng thể tích của đất, đá trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót nước	ASTM D5030-13	Thùng chứa nước, màng bọc nilon, khay, cân kỹ thuật, búa đục, máy đục ...	
153	Xác định độ bằng phẳng mặt	TCVN 8864:2011	Thước 3m, nệm đo	

	đường bằng thước 3 m			CCTNV; 2006- A01207B/VNĐ- CCTNV) Ngô Đại Thúc (6417- A2051B/VNĐ- TNV)
154	Xác định môđun đàn hồi E nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011	Bộ tấm ép cứng, dầm, đồng hồ, kích thủy lực, xe truyền tải,	
155	Xác định môđun đàn hồi E chung của áo đường bằng cần benkelman	TCVN 8867:2011 AASHTO T256	Cần Benkemal, đồng hồ, kích thủy lực, xe chất tải, giấy ly, mỡ, rẻ lau, chổi quét	Ngô Quang Ánh (0144/2755/QĐ- CĐGTVT) Đoàn Văn Quyết (16424- A16426B/VNĐ- TNV)
156	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011 AASHTO T278	Bộ dụng cụ đo độ nhám, ống hình trụ, chổi, cân, miếng xoa	Nguyễn Bình Thi (3655/QĐ- ĐHCNGTVT; 1806- A00102B/VNĐ- CCTNV; 2024/DDT- 062/VKH-CN)
157	Đo điện trở đất	TCVN 9385:12 BS 6651	Máy đo điện trở, cọc thép...	Hà Quốc Dũng (2500/2007/VKH- TNXD; 8051- A3685B/VNĐ- TNV) Đoàn Văn An (321/ĐHCNGTVT- CĐN)
158	Xác định môđun biến dạng bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354-2012 ASTM D1194	Kích thủy lực, đồng hồ đo chuyển vị, tấm đệm tải, hệ thống chất tải, thước ni vô...	Trần Đức Nam (09.148.22/VKH-CN -TNV)
159	Thử nghiệm kéo neo trong nền đất, đá tại hiện trường	ASTM D4435	Kích thủy lực có đồng hồ đo áp, đồng hồ đo chuyển vị, giá đỡ đồng hồ...	Đình Văn Thái (1520- A00342B/VNĐ- CCTNV; 2072- A01288B/VNĐ- CCTNV; 2006- A01207B/VNĐ- CCTNV)
160	Thử nghiệm kéo nhỏ thép khoan cây, bu lông tại hiện trường	TCVN 9490-2012 ASTM E1512 ASTM E488 BS 8539	Kích thủy lực có đồng hồ đo áp...	

161	Thí nghiệm CBR ngoài hiện trường	TCVN 8821: 11 ASTM D4429	Kích thủy lực, vòng đo lực, đầu xuyên, đầu nối, cần nối, đồng hồ đo độ xuyên, tấm gia tải, hệ thống chất tải, thước ni vô...	
-----	----------------------------------	-----------------------------	--	--

Ghi chú (*): - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.

Công ty TNHH xây dựng - thương mại Tâm Phát chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin đã công bố./.

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)



Lê Anh Vũ